

Số: 43/2023/QĐST-DS

Cầu Ngang, ngày 20 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2022,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1983.

Chị Trần Thị T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K, chị T: Anh Trần Trọng N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số G T, T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và anh Võ Công N1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Căn hộ B.307, chung cư A, số B B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về diện tích đất tranh chấp:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi phần đất gồm:

Anh **Trần Văn D** đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** phần đất diện tích 2.176,4m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 7.895m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 2213, tờ bản đồ số 5 (theo tư liệu đo đạc năm 2019 là thửa 923, tờ bản đồ số 3), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại **ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh** do anh **Trần Văn D** đứng tên quyền sử dụng đất (trên đất có một số tài sản do anh **K**, chị **T** xây dựng).

**Phần diện tích đất 2.176,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 2213 có vị trí tứ cận như sau:**

- Hướng Đông giáp Thửa 2213 có kích thước 19,5m;
- Hướng Tây giáp Thửa 906 có kích thước 19,9m;
- Hướng Nam giáp Thửa 900, 901, 906 có kích thước 107,9m;
- Hướng Bắc giáp Thửa 908 có kích thước 108,5m.

- Anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** được quyền sử dụng các tài sản nằm trên thửa 2213 gồm có:

+ Nhà kết cấu đỡ gỗ tạp, nền xi măng, gạch tàu, vách là mái tol, diện tích 8,5m x 16,5m = 140,25m<sup>2</sup> (giá trị sử dụng còn lại 50%)

+ Mái tol kết cấu đỡ gỗ tạp, vách tol, nền đất, diện tích 2,5 x 3m = 7,5m<sup>2</sup> (giá trị sử dụng còn lại 50%)

Anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho anh **Trần Văn D** phần đất diện tích 1.460,7m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 5.610m<sup>2</sup>, thuộc thửa 908, tờ bản đồ số 5 (theo tư liệu đo đạc năm 2019 là thửa 893, tờ bản đồ số 3), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại **ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh** do anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** đứng tên quyền sử dụng đất.

**Phần diện tích đất 1.460,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 908 có vị trí tứ cận như sau:**

- Hướng Đông giáp Thửa 920 có kích thước 13,7m;
- Hướng Tây giáp Thửa 908 có kích thước 14m;
- Hướng Nam giáp Thửa 2213 có kích thước 105,9m;
- Hướng Bắc giáp Thửa 2346, 2344 có kích thước 106,7m.

Phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất, anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** và anh **Trần Văn D** được quyền đến Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và nộp thuế theo quy định.

- *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:*

Anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** tự nguyện nộp số tiền 3.464.647 đồng. Anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** đã nộp tạm ứng 7.000.000 đồng nên anh **K**, chị **Thu n** lại số tiền 3.535.353 đồng tại Văn phòng Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

- *Về án phí*: Anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do anh **K**, chị **T** nộp theo biên lai số 0012506, 0012508 cùng ngày 06 tháng 10 năm 2022 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Hoàn trả cho anh **Trần Văn K**, chị **Trần Thị T** mỗi người 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Ngọc Hùng Anh**